

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS-ST

Ngày: 21-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Giàu

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN TRẦN KIM L, sinh ngày: 04/10/1999 tại tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Số 116A, ấp P, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trần Phúc L, sinh năm: 1964 và bà Lê Thị V, sinh năm 1959; Chồng, con: chưa có (đang mang thai); Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Luật sư Nguyễn Thị H – Văn phòng Luật sư BT thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Người làm chứng:

Lê Quang V (V Hà Mã), sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Số 66F, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Người chứng kiến:

1. Trương Công D, sinh năm: 1956;

Nơi cư trú: Số 320C, khu phố S, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn C, sinh năm: 1954;

Nơi cư trú: Số 566C4, khu phố M, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, tại đường Liên phường P - Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, trước phòng số 8, nhà trọ 579C3 khu phố M, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre bắt quả tang Nguyễn Trần Kim L đang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để bán cho người khác.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu dưới đất kê bên chân phải của L đang đứng : 01 gói nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong có 02 gói nylon màu trắng đều có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1).

- Thu trong túi vải có chữ Monkey gắn trong chìa khóa cửa của phòng số 8: 01 gói nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2).

- Thu trong túi quần bên phải của L: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, có viền màu đỏ, số IMEI1: 864715015686452 và số IMEI2: 864715015686460.

- Thu trong túi quần sau bên trái của L: 3.700.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Trần Kim L tại phòng số 8, nhà trọ 579C3 khu phố M, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ:

Thu trên chiếu trong phòng:

- 01 gói nylon màu trắng, trên miệng có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong có 05 gói nylon màu trắng, trên miệng có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong đều có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi ma túy.

- 01 gói nylon màu trắng, trên miệng có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong có 04 gói nylon màu trắng, trên miệng có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong đều có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi ma túy.

- 03 gói nylon màu trắng, trên miệng có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong đều có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi ma túy.

Sau khi thu giữ tất cả được niêm phong trong phong bì có ký hiệu M3.

Quá trình làm việc, Nguyễn Trần Kim L khai nhận: Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, L nảy sinh ý định đi thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy đá đem về Bến Tre bán lại kiếm lời. Để thực hiện ý định, vào khoảng đầu tháng 01/2018, L đi đến khu vực quận BT, thành phố Hồ Chí Minh mua của một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ 1.900.000 đồng ma túy đá sau đó đem về phòng số 8, nhà trọ 579C3 lấy một ít sử dụng, số còn lại phân ra thành nhiều gói nhỏ và đã bán cho Lê Quang V (V Hà Mã) 03 lần 03 gói thu được 1.190.000 đồng; bán cho Nguyễn Hồng Q (Q Ba Thụ) 03 lần 03 gói thu được 600.000 đồng và bán cho một đối tượng tên A Bu không rõ họ tên địa chỉ 02 lần 02 gói thu được 400.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 ngày 22/01/2018, trong lúc L đang ở phòng số 8 thì có thanh niên không biết tên gọi điện thoại đến hỏi mua 02 gói ma túy giá 1.200.000 đồng. L đồng ý bán và hẹn giao ma túy ngoài đường, trước cửa phòng số 8 nhà trọ 579C3. Sau khi thỏa thuận xong, L cầm 02 gói ma túy đá ra đứng trước cửa phòng số 8 để chờ giao ma túy cho người thanh niên thì bị lực lượng Công an phát hiện ập vào bắt quả tang rồi tiến hành khám xét và thu giữ toàn bộ tang vật như trên.

Theo Kết luận giám định số 796/C54B ngày 12/02/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói M1: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có tổng trọng lượng (khối lượng) là 1,0684 gam, loại Methamphetamine.

- Gói M2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng (khối lượng) là 0,5597 gam, loại Methamphetamine.

- Gói M3: Tinh thể màu trắng đựng trong 12 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định là ma túy có tổng trọng lượng (khối lượng) là 2,2040 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSTPBT ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Trần Kim L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Kim L từ 05 đến 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì niêm phong số 796/1, 796/2, 796/3 ghi ngày 27/02/2018 của Phân viên Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và giám định viên Nguyễn Văn T; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, có viên màu đỏ, số IMEI1: 864715015686452 và số IMEI2: 864715015686460; Buộc bị cáo nộp 1.190.000 đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước; Trả lại cho bị cáo 3.700.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Trần Kim L có lời khai trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2018 đến ngày 20/01/2018, trên địa bàn phường P và xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã 03 lần trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho Lê Quang V 03 gói ma túy giá 1.200.000 đồng nhưng lần thứ 3 V trả tiền thiếu 10.000 đồng nên bị cáo nhận tiền từ V tổng cộng 1.190.000 đồng; bán cho Nguyễn Hồng Q 03 lần 03 gói ma túy thu được 600.000 đồng và bán cho đối tượng tên A Bu 02 lần 02 gói ma túy thu được 400.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, khi bị cáo đang cất giữ 1,0684 gam Methamphetamine để bán cho người nghiện thì bị bắt quả tang thu giữ tang vật. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ 2,8637 gam Methamphetamine mà bị cáo cất giữ để sử dụng và bán lại cho người nghiện. Bị cáo nhận biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với cáo trạng truy tố bị cáo L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, không đồng ý với cáo trạng truy tố bị cáo L với tình tiết định khung tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là “phạm tội từ 02 lần trở lên”. Lý do, lời khai của bị cáo L và V (V Hà Mã) thống nhất nhau, tuy nhiên Cơ quan điều tra không cho V Hà Mã và L đối chất nhau cũng như nhận dạng; Vì vậy đối tượng mua bán chất ma túy qua lời khai có tên là L và V Hà Mã có đúng là bị cáo L và V Hà Mã trong vụ án này hay không. Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự trong bản luận tội Kiểm sát viên nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về điều kiện, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, đề nghị cho bị cáo L được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Trần Kim L có lời khai tại phiên tòa trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2018 đến ngày 20/01/2018, trên địa bàn phường P và xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã 03 lần trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho Lê Quang V 03 gói ma túy thu lợi 1.190.000 đồng; bán cho Nguyễn Hồng Q 03 lần 03 gói ma túy thu được 600.000 đồng và bán cho đối tượng tên A Bu 02 lần 02 gói ma túy thu được 400.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, khi bị cáo đang cất giữ 1,0684 gam Methamphetamine để bán cho người nghiện thì bị bắt quả tang thu giữ tang vật. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ 2,8637 gam Methamphetamine mà bị cáo cất giữ để sử dụng và bán lại cho người nghiện. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai này phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 22/01/2018, lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả giám định của cơ quan Kỹ thuật hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo mua chất ma túy về sử dụng và chia nhỏ bán lại cho các con nghiện để thu lợi bất chính. Vì vậy, hành vi của bị cáo L đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ngay sau khi bị bắt quả tang, bị cáo L đã tự khai 03 lần bán ma túy cho V Hà Mã khi Cơ quan điều tra chưa phát hiện. Tiếp sau đó, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đều khai thống nhất với lời khai ban đầu, có sự tham gia trực tiếp của người bào chữa cho bị cáo. Đối chiếu lời khai của bị cáo L với lời khai của V là phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, số tiền mua bán giao dịch thực tế, điều kiện hoàn cảnh biết nhau dẫn đến trao đổi, mua bán chất ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bị cáo L đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho V (V Hà Mã) trong khoảng thời gian từ ngày 15/01/2018 đến ngày 22/01/2018. Ngoài ra, trong lần ngày 22/01/2018, bị cáo còn thỏa thuận mua bán ma túy cho một đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ), thỏa thuận giao ma túy tại trước phòng trọ của bị cáo đang ở, khi chưa giao nhận ma túy được thì bị bắt quả tang.

[3] Bị cáo L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết việc bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn có ý nhiều lần thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho những người nghiện. Hành vi của bị cáo đã

phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguy cơ phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú đối với các lần phạm tội mà Cơ quan điều tra chưa phát hiện, khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai, gia đình của bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, r, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không cần thiết nên không áp dụng.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đề nghị áp dụng là phù hợp với quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đồng ý với tội danh Viện kiểm sát truy tố, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 Bộ luật Hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận. Đối với đề nghị xác định bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ cơ sở xác định bị cáo nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho người khác, áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là không có tác dụng trong công tác đấu tranh phòng ngừa đối với các tội phạm ma túy trong tình hình hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị này của người bào chữa.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã 03 lần bán trái phép 03 gói ma túy đá cho người nghiện để thu lợi 1.190.000 đồng. Xét thấy, đây là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo nộp sung quỹ Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với 03 phong bì niêm phong số 796/1, 796/2, 796/3 ghi ngày 27/02/2018 của Phân viên Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và giám định viên Nguyễn Văn T chứa chất ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, có viên màu đỏ, số IMEI1: 864715015686452 và số IMEI2: 864715015686460 là tài sản của bị cáo nhưng bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 3.700.000 đồng là tiền của bị cáo nên giao trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với lời khai của bị cáo có bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng tên Q và A Bu, Cơ quan điều tra không làm việc được với Q và A Bu. Do đó, Viện kiểm sát không truy tố buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với những lần bán ma túy cho 02 đối tượng tên Q và A Bu là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Trần Kim L phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Kim L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Trần Kim L 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù;
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Kim L nộp 1.190.000 (Một triệu, một trăm, chínmươi nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 phong bì niêm phong số 796/1, 796/2, 796/3 ghi ngày 27/02/2018 của Phân viên Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có chữ ký của người chứng kiến Nguyễn Phước N và giám định viên Nguyễn Văn T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, có viên màu đỏ, số IMEI1: 864715015686452 và số IMEI2: 864715015686460;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần Kim L: 3.700.000 (Ba triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/8/2018, hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Trần Kim L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, NBC cho bị cáo (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình